CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

- Ông Uông Văn Ngọc Ẩn	Chủ tịch
- Ông Lee Cheng Hua	Phó chủ tịch
- Ông Đinh Văn Thành	Phó chủ tịch
- Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó chủ tịch
- Ông Diệp Tấn Dũng	Ủy viên
- Ông Lê Quốc Đạt	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Trinh	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Lệ An	Ủy viên

Ban kiểm soát:

- Ông Tsai Jung Tsung	Trưởng ban
- Ông Vũ Mạnh Tường	Thành viên
- Bà Lâm Mỹ Ginh	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Ban Tổng Giám đốc tại chức vào ngày lập báo cáo này gồm:

- Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Lệ An	Phó Tổng giám đốc
- Ông Lê Quốc Đạt	Phó Tổng giám đốc
- Ông Vũ Cao Thương	Phó Tổng giám đốc
- Ông La Hữu Nghĩa	Phó Tổng giám đốc
- Ông Lưu Quốc Thắng	Phó Tổng giám đốc
- Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết	Phó Tổng giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Hoàng	Phó Tổng giám đốc

3. Thành lập và hoạt động:

Ngân hàng TMCP Đệ Nhất (Ngân hàng) được thành lập theo giấy phép số 534/GP-UB ngày 13 tháng 5 năm 1993 của UBND TP. Hồ Chí Minh, Quyết định số 88/QĐ-NH5 ngày 27/4/1993 của Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước cấp.

Được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước ngày 26/07/2010 về việc tăng vốn điều lệ lên 3.000.000.000 đồng, theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2010, vốn ngân hàng đăng ký là 3.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2010, ngân hàng chỉ mới thực hiện tăng vốn điều lệ lên 2.000.000.000 đồng.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 715 – Đường Trần Hưng Đạo – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh

Ngân hàng có 16 Đơn vị, bao gồm 1 Hội sở, 1 Sở giao dịch, 05 Chi nhánh, 08 Phòng giao dịch và 01 Công ty con trực thuộc.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức và dân cư thuộc các thành phần kinh tế dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn không kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam.

- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;

- Vay vốn các tổ chức tín dụng khác;

- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;

- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;

- Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành.

- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;

- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế.

- Huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ Ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhất trí với số liệu trình bày trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM.

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010:

Tổng tài sản	7.773.131.317.661	đồng
Tổng nợ phải trả	5.635.250.949.211	đồng
Tổng nguồn vốn và các quỹ	2.137.880.368.450	đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010:

Lợi nhuận trước thuế	138.144.725.724	đồng

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc thì trong năm tài chính không có bất kỳ một khoản mục hay sự kiện quan trọng nào có bản chất bất thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.

5. Các thông tin khác:

a. Không có trường hợp hay sự kiện nào làm cho số liệu bị hiểu sai lệch với bản chất của nó như đã được thể hiện trên báo cáo tài chính.

Vào thời điểm lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ trường hợp hay thông tin nào được đề cập đến trong báo cáo này có thể dẫn đến việc hiểu sai lệch nội dung các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Ngân hàng.

b. Thế chấp tài sản và các khoản nợ ngoài dự kiến sau khi kết thúc năm tài chính.

Vào thời điểm lập báo cáo này:

- Không có một khoản thế chấp nào đối với tài sản của Ngân hàng để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.

- Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, không có một khoản nợ bất thường nào hay một khoản nợ nào khác của Ngân hàng mà Ngân hàng bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai (12) tháng sau khi kết thúc năm tài chính mà có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng khi các khoản nợ này đến hạn trả.

c. Các nghiệp vụ quan trọng và bất thường.

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các hoạt động của Ngân hàng trong năm tài chính mà báo cáo này phản ánh không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất quan trọng hay bất thường nào đã phát sinh trong khoảng thời gian từ cuối năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

6. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán:

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập bảng cân đối kế toán.

7. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám Đốc đã xem xét và tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

8. Xác nhận của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi xin tuyên bố rằng, các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo báo cáo này đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đệ Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các quy định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2011
Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Uông Văn Ngọc Ẩn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3,Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email : aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

INPACT ASIA PACIFIC

Số: 11.10.681/AISC-DN7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT

Kính gởi : **Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc**
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán ngày tại 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 10 tháng 01 năm 2011 của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT ("Ngân hàng") từ trang 05 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc quý Ngân hàng. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc Ngân hàng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Huỳnh Thị Thu Thủy
Số chứng chỉ KTV: 0978/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Ngọc Tú
Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**V.01**	**121.635.181.516**	**25.859.491.024**
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	**V.02**	**137.911.551.876**	**45.257.402.072**
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	**V.03**	**1.722.966.806.780**	**298.192.495.725**
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		1.722.966.806.780	298.192.495.725
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	**V.04**	**591.302.328.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh		614.304.245.776	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(23.001.917.776)	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**V.05**	**-**	**-**
VI. Cho vay khách hàng		**2.703.701.139.112**	**1.135.804.923.532**
1. Cho vay khách hàng	V.06	2.724.296.941.301	1.140.665.028.353
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.07	(20.595.802.189)	(4.860.104.821)
VII. Chứng khoán đầu tư	**V.08**	**305.757.154.000**	**21.413.100.000**
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		105.757.154.000	21.383.100.000
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000.000	30.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	**V.09**	**153.434.110.000**	**3.434.110.000**
1. Đầu tư vào công ty con		150.000.000.000	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		3.434.110.000	3.434.110.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
IX. Tài sản cố định		**108.070.016.271**	**47.444.661.341**
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	97.061.372.371	43.408.392.960
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		*122.642.949.810*	*61.263.764.031*
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		*(25.581.577.439)*	*(17.855.371.071)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	11.008.643.900	4.036.268.381
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		*14.457.533.144*	*5.518.587.181*
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		*(3.448.889.244)*	*(1.482.318.800)*
X. Bất động sản đầu tư	**V.13**	-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XI. Tài sản có khác	**V.14**	**1.928.353.030.106**	**62.944.862.458**
1. Các khoản phải thu	V.14.2	1.322.959.259.839	56.044.967.205
2. Các khoản lãi, phí phải thu		47.456.896.643	6.450.146.808
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		557.936.873.624	449.748.445
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		**7.773.131.317.661**	**1.640.351.046.152**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	**V.16**	**66.590.889.776**	
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	**V.17**	**2.762.181.907.730**	**272.433.567**
1. Tiền gửi của các TCTD khác		2.762.181.907.730	272.433.567
2. Vay các TCTD khác		-	-
III. Tiền gửi của khách hàng	**V.18**	**2.674.825.261.929**	**540.493.058.468**
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**V.05**	**-**	**-**
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**V.19**	**-**	**-**
VI. Phát hành giấy tờ có giá	**V.20**	**49.653.859.590**	**-**
VII. Các khoản nợ khác		**81.999.030.186**	**15.716.225.237**
1. Các khoản lãi, phí phải trả		58.855.130.180	5.717.423.448
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	V.22	-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.21	23.113.246.341	9.998.801.789
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	V.21	30.653.665	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**5.635.250.949.211**	**556.481.717.272**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
VIII. Vốn và các quỹ	**V.23**	**2.137.880.368.450**	**1.083.869.328.880**
1. Vốn của TCTD		2.000.044.695.668	1.000.044.695.668
a. Vốn điều lệ		*2.000.000.000.000*	*1.000.000.000.000*
b. Vốn đầu tư XDCB		*44.695.668*	*44.695.668*
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		28.161.634.830	18.116.489.466
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		109.674.037.952	65.708.143.746
- Lợi nhuận/ Lỗ năm nay		*107.726.845.018*	*65.708.143.746*
- Lợi nhuận/ Lỗ năm trước		*1.947.192.934*	
IX. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**7.773.131.317.661**	**1.640.351.046.152**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	**VIII.39**	**3.784.195.361**	**3.160.725.419**
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		34.923.525	2.592.480.079
3. Bảo lãnh khác		3.749.271.836	568.245.340
II. Các cam kết đưa ra		-	-
1. Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
2. Cam kết khác		-	-

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tô Thị Bích Lê	Nguyễn Ngọc Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 *Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	304.332.940.030	166.215.309.639
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	197.964.076.533	52.670.795.772
I. Thu nhập lãi thuần		**106.368.863.497**	**113.544.513.867**
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.322.663.007	717.780.583
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		2.131.879.245	848.332.508
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	**VI.26**	**190.783.762**	**(130.551.925)**
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**VI.27**	**1.669.753.438**	**1.110.028.086**
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	**VI.28**	**92.811.708.324**	**-**
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**VI.29**	**-**	**-**
5. Thu nhập từ hoạt động khác		6.240.942.493	4.288.727.537
6. Chi phí hoạt động khác		-	2.420.248
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	**VI.31**	**6.240.942.493**	**4.286.307.289**
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	**VI.30**	**13.220.232.520**	**958.153.850**
VIII. Chi phí hoạt động	**VI.32**	**60.019.307.654**	**28.991.222.709**
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**160.482.976.380**	**90.777.228.458**
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**22.338.250.656**	**11.334.238.371**
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		**138.144.725.724**	**79.442.990.087**
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		30.417.880.706	13.734.846.341
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	**VI.33**	**30.417.880.706**	**13.734.846.341**
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		**107.726.845.018**	**65.708.143.746**
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VI.23**	**868**	**745**

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tô Thị Bích Lê	Nguyễn Ngọc Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 *Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	TM	Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		263.326.190.195	162.632.287.237
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(144.826.369.801)	(49.616.502.034)
03.Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		190.783.762	(130.551.925)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		117.483.379.538	1.110.028.086
05. Thu nhập khác		82.865.670	19.264.039
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lí hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		5.736.177.200	3.411.521.250
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lí, công vụ		(80.744.411.548)	(22.779.269.012)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(10.367.969.407)	(11.200.186.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**150.880.645.609**	**83.446.591.117**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(898.648.299.776)	(1.993.900.000)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.583.631.912.948)	(317.792.719.553)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(6.150.000.000)	(9.121.304.600)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(1.815.933.094.613)	(10.059.351.108)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	TM	Năm 2010	Năm 2009
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		66.590.889.776	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		2.761.909.474.163	222.672.892
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		2.134.332.203.461	(250.214.116.676)
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		49.653.859.590	-
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		23.244.051.959	(2.003.078.666)
22. Chi từ các quỹ của TCTD		(3.715.805.448)	(4.198.609.827)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		**878.532.011.773**	**(511.713.816.421)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(70.318.131.742)	(18.508.055.158)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	3.500.000
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(150.000.000.000)	(837.960.000)
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		4.751.909.320	958.153.850
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		**(215.566.222.422)**	**(18.384.361.308)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	TM	Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và / hoặc phát hành cổ phiếu		1.000.000.000.000	390.412.600.000
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(49.761.638.000)	(42.671.118.000)
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
07. Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		**950.238.362.000**	**347.741.482.000**
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		**1.613.204.151.351**	**(182.356.695.729)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		**369.309.388.821**	**551.666.084.550**
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá			
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**VII.34**	**1.982.513.540.172**	**369.309.388.821**

Ngày 10 tháng 01 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Tô Thị Bích Lê	Nguyễn Ngọc Thịnh